TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Diệp

Bà Dương Thị Cúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lâm Văn L, sinh ngày: 02/12/1979 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lâm Văn T, sinh năm 1950 (đã chết) và bà: Lăng Thị V, sinh năm 1949 (đã chết). Có vợ là Lý Thị N, sinh năm 1986 và 04 người con, con thứ nhất sinh năm 2005, con thứ tư sinh năm 2018. Cùng trú tại: thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2024 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng N1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khối phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị A. Chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ: Khối phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1973. Vắng mặt.

3. Bà Lâm Thị X, sinh năm 1971. Vắng mặt.

4. Bà Vy Thị Đ, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu trồng cây để phát triển kinh tế gia đình nên khoảng tháng 02/2024, Lâm Văn L, sinh năm 1979, trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã thuê 04 người gồm: Lâm Thị H, sinh năm 1976; Lâm Thị X, sinh năm 1971; Ngô Thị T1, sinh năm 1973, cùng trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Vy Thị Đ, sinh năm 1970, trú tại thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đến khu R, thôn K, xã M, huyện B để chặt, phát các cây gỗ bé và cây bụi với tiền công 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/01 người/01 ngày. Trong quá trình chặt, phát rừng, Lâm Thị H, Lâm Thị X, Ngô Thị T1 và Vy Thị Đ sử dụng dao quắm để chặt phát các cây gỗ nhỏ, cây bụi trong thời gian 15 ngày thì xong. Lâm Văn L trả tiền công cho mỗi người 3.000.000đ (ba triệu đồng), tổng số tiền trả cho bốn người là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Sau đó, Lâm Văn L sử dụng máy cưa nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam của Lâm Văn L để cưa hạ các cây gỗ to, trong thời gian 05 ngày thì chặt hạ xong. Khoảng một tháng sau, Lâm Văn L tiến hành đốt và dọn dẹp diện tích rừng đã chặt phá để trồng cây quế. Ngày 04/5/2024, Lâm Văn L đang trồng cây quế trên khu rừng đã chặt phá thì Công an xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, lập biên bản sự việc.

Ngày 08/5/2024, Công an xã M, huyện B chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để xác minh theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Lâm Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi chặt phá rừng. Diện tích đất rừng trên Lâm Văn L được bố mẹ đẻ giao cho quản lý, sử dụng. Quá trình chặt phá rừng không bàn bạc với các thành viên trong gia đình và không làm thủ tục xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 22/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B quyết định trưng cầu ông Hoàng Ngọc L1, công tác tại Hạt Kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là Giám định viên tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh L, để giám định diện tích rừng bị chặt phá.

Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời phối hợp với Giám định viên và các cơ quan chức năng tiến hành giám định rừng. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định diện tích rừng bị

chặt phá thuộc tại khu R, thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc lô 384, khoảnh 8, tiểu khu A, bản đồ hiện trạng rừng xã M năm 2023 (thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M).

Kết quả kiểm đếm tại hiện trường: Khối lượng gỗ bị chặt phá: 347 khúc = 17,698 m^3. Trong đó: Bồ đề 7 khúc = 0,149 m^3, Cáng lò 57 khúc = 3,021 m^3, Chẹo 28 khúc = 0,834 m^3, Kháo 41 khúc = 1,379 m^3, Giẻ 40 khúc = 1,591 m^3, Sau sau 37 khúc = 1,319 m^3, Xoan đào 37 khúc = 1,302 m^3, SP (gỗ chưa xác định tên) 100 khúc = 8,104 m^3.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 02-2024/KL/GĐCN ngày 15/7/2024 của Giám định viên Hoàng Ngọc L1 kết luận:

- Diện tích bị chặt phá: Sử dụng máy định vị GPS đo một vòng khép kín toàn bộ diện tích có rừng bị chặt phá. Kết quả tổng diện tích đo được là 19.357 m^2 (mười chín nghìn ba trăm năm mươi bảy mét vuông).

- Trạng thái rừng: Rừng tự nhiên nghèo kiệt.

- Loại rừng bị chặt phá: Đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã M *(theo quy hoạch 3 loại rừng trước đây được phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của ủy ban nhân dân tỉnh L về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030*) thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Căn cứ Điều 11 Thông tư số 29/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ N2 quy định về các biện pháp lâm sinh, diện tích rừng bị chặt phá không thuộc đối tượng đưa vào trồng mới Rừng sản xuất.

Cơ quan điều tra đã đề nghị UBND xã M, UBND huyện B cung cấp thông tin về diện tích rừng bị chặt phá. Kết quả như sau: Qua tham chiếu, đối chiếu Bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 của xã M, Lô C, khoảnh 8, tiểu khu A, thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ lâm nghiệp xã M số 02, tỷ lệ 1/10.000 đo đạc năm 2008, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trước thời điểm đo đạc Bản đồ lâm nghiệp xã M năm 2008, tại vị trí hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra sổ mục sao kê năm 2011, chưa được đăng ký tên trên sổ mục kê, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã M, thửa đất số 581, tờ bản đồ số 2, diện tích 14.918m^2, chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là loại đất rừng sản xuất.

Ngày 20/9/2024, Cơ quan điều tra đề nghị Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định trị giá đối với 17,698 m^3 gỗ bị chặt phá và xác định trị giá thiệt hại về môi trường. Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận:

Khối lượng gỗ cây rừng bị chặt phá trên diện tích 19.357m^2 gồm các loài cây Dẻ, Sau sau, X1 đào, K, Cáng lò, C, Bồ Đ1 và một số loài cây chưa xác định được tên *(Ký hiệu là SP)* với tổng khối lượng là 17,698m^3 thuộc nhóm gỗ thông

thường từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng trị giá là 2.123.880đ *(hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng).* Không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường.

Đối với Lâm Thị H, Lâm Thị X, Ngô Thị T1 và Vy Thị Đ được bị cáo Lâm Văn L thuê để chặt phát các cây gỗ nhỏ, cây bụi để hưởng tiền công. Tại thời điểm trên Lâm Thị H, Lâm Thị T2, Ngô Thị T1 và Vy Thị Đ không biết Lâm Văn L thuê chặt phát rừng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Do vậy, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý. Đối với các con dao do Lâm Thị H, Lâm Thị T2, Ngô Thị T1 và Vy Thị Đ dùng để chặt phát cây gỗ nhỏ, cây bụi đã cũ hỏng nên đã vứt bỏ hoặc bán sắt vụn, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn có đơn yêu cầu bị cáo Lâm Văn L phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước theo kết quả định giá tài sản. Ngày 07/11/2024, Lâm Văn L đã nộp số tiền 2.124.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-BG ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lâm Văn L về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Văn L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lâm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N3 cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo Lâm Văn L đã đã nộp số tiền 2.124.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn để khắc phục hậu quả.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời đã có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho Nhà nước. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa không có nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo mức đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng, không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng, nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Lâm Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được công bố, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng tháng 02/2024, Lâm Văn L thuê Lâm Thị H, Lâm Thị X, Ngô Thị T1 và Vy Thị Đ đến chặt phá diện tích rừng 19.357 m^2 tại khu R, thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 581, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã M, thuộc lô số 384, K, Tiểu khu A, Bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 xã M. Qua giám định diện tích rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên, trạng thái rừng tự nhiên nghèo kiệt. Tổng trị giá lâm sản bị thiệt hại là 2.123.880 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Lâm Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của Lâm Văn L đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gián tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về lĩnh vực trật tự an toàn xã hội. Khi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm Hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chủ động tự nguyện khắc phục hậu quả. Bị cáo đang đang sinh sống tại vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận bị cáo Lâm Văn L đã tự nguyện nộp số tiền 2.124.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn để khắc phục hậu quả, tiếp tục tạm giữ để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Lâm Văn L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, qua xác minh tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật và quy định tại địa phương nơi cư trú. Đồng thời bị cáo đã tự nguyện chủ động khắc phục hậu quả. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, quy định về điều kiện cho hưởng án treo thì bị cáo có đủ điều kiện. Vì vậy, không cần bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng và cũng không đảm nhiệm chức vụ gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, giao Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn quản lý, xử lý đối với số vật chứng là 12,022m^3 gỗ tròn loài thông thường (nhóm VI đến nhóm VIII) hiện tại đang được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn bảo quản theo quy định tại hiện trường. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) máy cưa gỗ nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, tình trạng cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Lâm Văn L.

[11] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thấy: Bị cáo đang đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên toà cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, bản luận tội của Kiểm sát viên nên được chấp nhận.

[14] Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

[15] Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Văn L phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn L 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Lâm Văn L đã tự nguyện nộp số tiền 2.124.000đ (hai triệu một trăm hai mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003565 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn quản lý, xử lý đối với số vật chứng là 12,022m^3 gỗ tròn loài thông thường (nhóm VI đến nhóm VIII) (hiện đang được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn bảo quản theo quy định tại hiện trường).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) máy cưa gỗ nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, tình trạng cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Lâm Văn L.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Bị cáo Lâm Văn L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Khi